

Leçon 11

Từ mới

(nm) Phi trường, sân bay :	_____	(nm) Phía Tây :	_____
Đại lý du lịch:	_____	Hoàn hảo :	_____
(nm) Máy lạnh, điều hòa	_____	(nf) Bể bơi :	_____
nhiệt độ:	_____	(nf) Bãi biển :	_____
Bên bờ..., ven...:	_____	(nm) Nhà hàng :	_____
(nf) Bàn đồ:	_____	(nm) Phía Nam:	_____
(nm) Lời khuyên :	_____	(nf) Ti vi:	_____
(nm) Hướng Đông :	_____	(nf) Sân hiên, sân	_____
(nm) Trục thẳng :	_____	thượng, ban công:	_____
(nf) Đảo :	_____	(nf) Thành phố :	_____
(nm) Ngày :	_____	(v) Thăm:	_____
(nf) Biển:	_____	(nm) Du lịch :	_____
(nf) Núi :	_____	(nm) Cuối tuần :	_____
(nm) Phía Bắc :	_____		

Ghi chú :

n : danh từ

a : tính từ

v : động từ

f : giống cái

m : giống đực